**THẢO LUẬN LẦN 1**

**ĐƯỜNG LỐI, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VIỆT NAM   
VỀ CÁC LĨNH VỰC CỦA ĐỜI SỐNG XÃ HỘI**

Câu 1: Những nội dung cơ bản trong lý luận về kinh tế thị trường?

Câu 2: Tính tất yếu và những đặc thù của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam? Liên hệ thực tiễn?

Câu 3: Giải pháp phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay?

Câu 4: Nêu những nội dung cơ bản của mô hình tăng trưởng kinh tế?

Câu 5: Nêu những yêu cầu, mục tiêu, nội dung và nguyên tắc của đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế ở VN đến năm 2020?

Câu 6: Nêu những quan điểm, định hướng và giải pháp chủ yếu phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế theo hướng phát triển bền vững ở VN hiện nay?

Câu 7: Phân biệt công nghiệp hóa, hiện đại hóa với kinh tế tri thức?

Câu 8: Nêu những nhiệm vụ cơ bản nhằm đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam?

Câu 9: Đánh giá thực trạng đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam thời gian qua và đề xuất giải pháp thúc đẩy phát triển thời gian tới

**Câu 1: Những nội dung cơ bản trong lý luận về kinh tế thị trường?**

**1. Kinh tế thị trường:**

a) Khái niệm

*Kinh tế thị trường* là giai đoạn phát triển cao của kinh tế hàng hóa, khi các yếu tố đầu vào và đầu ra của sản xuất đều thông qua thị trường. Các chủ thể kinh tế tham gia trên thị trường đều chịu sự tác động của các quy luật thị trường và thái độ ứng xử của họ đều hướng vào tìm kiếm lợi ích của chính mình theo sự dẫn dắt của giá cả thị trường.

b) Các mô hình kinh tế thị trường

**-** Kinh tế thị trường tự do cạnh tranh (kinh tế thị trường cổ điển): là nền kinh tế chịu sự điều tiết của các quy luật thị trường, Nhà nước không can thiệp trực tiếp vào nền KT. Nền KT vận động theo xu hướng chung là chạy theo lợi nhuận đơn thuần, các nguồn lực của nền KT sử dụng kém hiệu quả và nền KT phát triển vô chính phủ, dễ xẩy ra các cuộc khủng hoảng KT.

***-*** Kinh tế thị trường hỗn hợp (kinh tế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước; kinh tế thị trường hiệnđại): là nền kinh tế vừa được điều tiết bởi cơ chế thị trường, vừa được điều tiết bởi Nhà nước. Nền kinh tế này có những đặc điểm cơ bản như sau:

+ Các chủ thể kinh tế thuộc nhiều TPKT, tự chủ trong SXKD và tự do cạnh tranh nhằm mục tiêu lợi nhuận.

+ Thị trường chi phối hoạt động của nền kinh tế thông qua các nhân tố: cung - cầu - giá cả.

+ Nhà nước điều tiết nền kinh tế nhằm phát huy mặt tích cực và hạn chế tiêu cực của cơ chế thị trường.

**2. Cơ chế thị trường**

*a) Khái niệm*:

*Cơ chế thị trường* là tổng hòa các quan hệ kinh tế vận hành theo các quy luật kinh tế thị trường trong môi trường cạnh tranh nhằm mục tiêu lợi nhuận.

Cơ chế thị trường là cơ chế vận hành của nền kinh tế thị trường.

*b) Ưu thế và khuyết tật của CCTT:*

***- Ưu thế*:**

+ Động cơ lợi nhuận thúc đẩy tạo cho mọi người có được sự năng động, nhạy bén trong kinh doanh.

+ Đảm bảo cho cả người sản xuất lẫn người tiêu dùng được tự do lựa chọn các quyết định có lợi nhất cho mình.

+ Có sự sàng lọc tự nhiên đối với sản phẩm, doanh nghiệp và người lao động. Nhờ đó nền sản xuất xã hội không ngừng phát triển.

***- Khuyết tật*:**

+ Do sự điều tiết mang nặng tính tự phát và mù quáng nên CCTT thường gây ra những mất cân đối kinh tế.

+ Vì mục tiêu lợi nhuận được đặt lên hàng đầu nên các hoạt động kinh doanh thường không chú ý đến hiệu quả về mặt xã hội.

Vd: không đóng BHXH, bảo hiểm tai nạn cho người lao động.

+ Gây ra nhiều hậu quả xấu: cạnh tranh và phân hóa giàu - nghèo gay gắt, tệ nạn xã hội phát triển, tâm lý chạy theo đồng tiền…

* Do cơ chế vận hành của nền kinh tế thị trường tồn tại cả những mặt ưu và khuyết tật nên rất cần có sự tham gia quản lý của Nhà nước điều tiết nền kinh tế nhằm phát huy mặt tích cực và hạn chế các mặt tiêu cực của cơ chế thị trường.

**Câu 2: Tính tất yếu và những đặc thù của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam? Liên hệ thực tiễn?**

1. **Khái niệm kinh tế thị trường định hướng XHCN ở VN.**

Nền KT thị trường định hướng XHCN ở nước ta là nền KT hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của NN dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Đây là hình thái kinh tế thị trường vừa tuân theo những quy luật của kinh tế thị trường, vừa dựa trên cơ sở và được dẫn dắt chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của CNXH.

1. **Tính tất yếu của việc phát triển KT thị trường định hướng XHCN ở VN.**

* Điều kiện trong nước:

Thời kỳ trước năm 1986, mô hình phát triển KT tập trung bao cấp đã biểu hiện kìm hãm sự phát triển KT XH, đặc biệt giai đoạn 1975-1986. Đại hội Đảng lần thứ VI đã thực hiện cuộc cách mạng – đổi mới tư duy, đặc biệt là tư duy kinh tế mà cốt lõi là chuyển nền kinh tế vận hành theo cơ chế tập trung, bao cấp sang cơ chế thị trường via sự tham gia của nhiều thành phần KT. Sự đổi mới đó đã từng bước hình thành và phát triển các yếu tố như: giá cả hình thành theo cơ chế tự do; trên thị trường các chủ thể cạnh tranh nhau để tìm kiếm lợi nhuận; nền KT hoạt động theo các quy luật của thị trường… đó là những điều kiện cho sự hình thành và phát triển KT thị trường.

Sự đồng thuận và ủng hộ của nhân dân về những quyết sách đổi mới của Đảng và Nhà nước.

* Điều kiện quốc tế:

Kinh tế thị trường là mô hình kinh tế có hiệu quả nhất, đã tạo ra năng suất lao động cao, tạo ra nguồn hàng lớn để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của tiêu dùng và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực hơn nền kinh tế tự cung, tự cấp; nền KT tập trung, bao cấp.

Phát triển KT thị trường là yêu cầu của quá trình hội nhập KTQT, là sự tham gia của các quốc gia vào “sân chơi” chung của nền KT thế giới – “Sân chơi” đó là của nền KT thị trường.

Đảng ta chủ trương “tích cực và chủ động hội nhập KT thế giới”, tất yếu VN phải chuyển đổi sang nền KT thị trường.

1. **Đặc thù của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở VN**

* Về mục tiêu phát triển KT thị trường định hướng XHCN ở nước ta: Khai thác các lợi thế của quốc gia nhằm phát triển LLSX, giải phóng sức sản xuất của XH nhằm thu lợi nhuận, từng bước tạo lập tiền đề vật chất cho CNXH, nâng cao đời sống nhân dân.

- Về chế độ sở hữu và thành phần kinh tế:

Tồn tại đa dạng các hình thức sở hữu về TLSX, tồn tại nhiều thành phần kinh tế. Các thành phần kinh tế, các chủ thể kinh tế tự do tham gia hoạt động kinh tế trong môi trường cạnh tranh lành mạnh và cùng có những đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội.

Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo.

- Về chế độ phân phối:

Công bằng trong phân phối các yếu tố sản xuất, tiếp cận và sử dụng các cơ hội, điều kiện phát triển. Phân phối kết quả làm ra chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và phân phối thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội.

- Về chế độ quản lý:

Nhà nước điều tiết nền kinh tế thị trường nhằm bảo vệ lơi ích quốc gia, khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực kinh tế, bảo vệ tài nguyên môi trường, phát triển kinh tế bền vững, bảo vệ lợi ích nhân dân, lợi ích người lao động, thực hiện các chính sách XH như xóa đói, giảm nghèo, an sinh XH..

1. **Liên hệ thực tiễn:** nền kinh tế thị trường ĐH XHCN ở nước ta hiện nay:

* Trình độ khoa học công nghệ của Việt Nam còn lạc hậu so với các nước trong khu vực và thế giới đang chiếm tỷ trọng lớn trong các ngành, các lĩnh vực trong nền kinh tế quốc dân dẫn đến năng suất lao động chưa cao, năng lực cạnh tranh thấp. “Trình độ công nghệ của các doanh nghiệp nước ta đa phần ở mức trung bình và lạc hậu, khoảng 80-90% công nghệ ngoại nhập, trong đó 75% máy móc dây chuyền công nghệ thuộc thế hệ những năm 1980-1990, 75% thiết bị đã hết khấu hao, 50% là đồ tân trang… Tốc độ đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp chậm chỉ khoảng 10%/năm”.
* Cơ cấu hàng xuất khẩu Việt Nam chậm thay đổi, hàng xuất khẩu chỉ khoảng 5% hàng công nghệ cao, 10% hàng công nghệ trung bình, 40% hàng nông sản chưa qua chế biến (gạo, cà phê, điều), 27% hàng công nghệ thấp (hàng dệt may, da giày).
* Năng lực khoa học công nghệ thấp làm cho năng lực cạnh tranh Việt Nam có xu hướng tụt bậc. Theo kết quả xếp hạng cạnh tranh của Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF): năm 2006 Việt Nam xếp thứ 64/125 nền kinh tế; năm 2007: 68/130; năm 2008: 70/131; năm 2009: 75/133; năm 2010: 59/140; năm 2011: 65/142; năm 2012: 75/144.
* Lực lượng lao động của Việt Nam đông nhưng không mạnh, có khoảng gần 50 triệu người nằm trong độ tuổi lao động theo luật định, nhưng chỉ có khoảng 35% lao động qua đào tạo (có trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, sơ cấp và có chứng chỉ nghề). Chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam thấp - đây là điểm nghẽn lớn nhất trong nền kinh tế nước ta hiện nay, nó có ảnh hưởng trực tiếp tới mọi hoạt động trong nền kinh tế - xã hội.
* Hạ tầng kinh tế - xã hội có tốc độ phát triển nhanh nhưng chưa đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường trong hội nhập kinh tế quốc tế; chưa tạo môi trường thuận lợi để phát triển nền kinh tế thị trường, bởi sự phát triển thiếu sự đồng bộ, đồng đều giữa các vùng, miền, các hạng mục.
* Quan hệ về sở hữu, tổ chức quản lý, phân phối đã có những đổi mới căn bản theo xu hướng của nền kinh tế thị trường. Tuy nhiên, sự đổi mới còn chậm chưa đáp ứng được tốc độ phát triển nền kinh tế thị trường, chưa theo kịp yêu cầu của hội nhập kinh tế quốc tế.

**Câu 3: Giải pháp phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay?**

1. ***Thực hiện nhất quán, lâu dài chính sách phát triển nền KT nhiều thành phần, phát huy vai trò của KT nhà nước.***

* Phát triển KT nhiều thành phần là giải phóng sức SX của XH, huy động các nguồn lực PT KT thị trường, tạo môi trường cạnh tranh trong nền KT và là động lực thúc đẩy sự PT bền vững.
* Đẩy mạnh đổi mới, sắp xếp và nâng cao hiệu quả kinh doanh của DNNN. Cơ cấu lại ngành nghề KD của các tập đoàn KT và tổng công ty NN, tập trung vào một số ngành và lĩnh vực then chốt của nền KT. Đổi mới tổ chức, cơ chế hoạt động của các đơn vị DV công phù hợp KT thị trường định hướng XHCN.
* Phát triển KT tập thể via nhiều hình thức đa dạng, nòng cốt là hợp tác xã. Tạo điều kiện để phát triển các trang trại ở nông thôn, hình thành hợp tác xã của các chủ trang trại.
* Hoàn thiện cơ chế, chính sách để PT mạnh KT tư nhân ở hầu hết các ngành lĩnh vực KT theo quy hoạch và quy định của pháp luật. Hỗ trợ các DN vừa và nhỏ, các trang trại, hộ SXKD đáp ứng yêu cầu PT KT thị trường, hội nhập KTQT.
* Thu hút mạnh đầu tư trực tiếp của nước ngoài và các ngành lĩnh vực kinh tế phù hợp via chiến lược PT KT đất nước.

1. ***Đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước gắn via phát triển KT tri thức và bảo vệ tai nguyên môi trường.***

* Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế quốc dân là tạo lập những tiền đề vật chất cho nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phát triển.
* Chuyển lao động thủ công thành lao động sử dụng máy móc, ứng dụng những thành tựu của khoa học và công nghệ, gắn với nền kinh tế tri thức ở các ngành, các lĩnh vực trong nền kinh tế quốc dân.
* Xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại. Cơ cấu kinh tế xây dựng trong quá trình CNH, HĐH trên cơ sở khai thác lợi thế của các vùng miền, các ngành, các lĩnh vực; đồng thời phải phù hợp via xu thế phát triển của thế giới. Các cơ cấu KT đó là: cơ cấu ngành, cơ cấu vùng và cơ cấu thành phần KT.

1. ***Phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường.***

Các yếu tố thị trường và các loại thị trường là nhân tố để giải quyết các mối quan hệ trong nền KT thị trường; đáp ứng yêu cầu đầu vào và đầu ra nền nền KT.

Việt Nam chuyển đổi từ nền kinh tế vận hành theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp chuyển sang nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường; do đó, các yếu tố thị trường chưa hoàn thiện và các thị trường phát triển chưa đồng bộ. Vì vậy, phải hình thành và phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường. Cụ thể:

* Tạo môi trường (môi trường pháp lý, môi trường kinh tế xã hội) để các yếu tố thị trường phát triển lành mạnh, hiệu quả. Đổi mới và hoàn thiện thể chế về giá, cạnh tranh, kiểm soát độc quyền, giải quyết tranh chấp; xây dựng và thực hiện các quy định về trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp đối với người tiêu dùng, đối với bảo vệ môi trường.
* Phát triển đa dạng, đồng bộ và hiện đại các loại thị trường hàng hóa, dịch vụ, cả thị trường trong và ngoài nước (đặc biệt các thị trường lớn như: Mỹ, châu Âu, Đông Á và các thị trường truyền thống – thị trường Nga).

1. ***Nâng cao vai trò lãnh đạo của đảng, năng lực và hiệu lực QL của NN đối via nền KT thị trường định hướng XHCN.***

* Năng lực và hiệu lực quản lý của NN sẽ quyết định đến định hướng XHCN của nền KT thị trường, đến hiệu quả khai thác và sử dụng các nguồn lực của quốc gia.
* Cải cách bộ máy và cơ chế điều tiết nền kinh tế của Nhà nước theo hướng tinh, gọn có hiệu quả.
* Hoàn thiện và sử dụng có hiệu lực các công cụ điều tiết nền kinh tế của Nhà nước như: luật pháp, chính sách (tiền tệ, tài chính…), các công cụ khác (thuế, lãi suất, tỷ giá hối đoái…).
* Tăng cường kiểm tra, kiểm soát để điều chỉnh kịp thời sự vận hành của nền kinh tế khi cần thiết.
* “Nâng cao vai trò của các cơ quan dân cử, tổ chức chính trị - XH, các tổ chức xã hội – nghề nghiệp và của nhân dân trong phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN… Nhà nước tạo điều kiện để nhân dân và các tổ chức này tham gia có hiệu quả vào quá trình hoạch định, thực thi và giám sát việc thực hiện luật pháp, chủ trương, chính sách phát triển KT - XH, ngăn ngừa, khắc phục những tác động tiêu cực của cơ chế thị trường”.

1. ***Mở rộng KT đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập KT quốc tế.***

* Tích cực và chủ động hội nhập KTQT là tiền đề, điều kiện quan trọng để nền KT thị trường định hướng XHCN phát triển trong bối cảnh hội nhập KTQT.
* Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại và đầu tư, mở rộng thị trường trong và ngoài nước.
* Khai thác hiệu quả các cơ chế hợp tác quốc tế, các nguồn lực bên ngoài như: vốn, khoa học – công nghệ, kinh nghiệm quản lý, tổ chức vận hành nền kinh tế thị trường hiện đại.
* Nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Xây dựng và phát triển lợi thế quốc gia trong kinh tế đối ngoại thích nghi với sự thay đổi xu hướng phát triển của nền kinh tế thế giới.
* Tìm kiếm và mở rộng các đối tác, đặc biệt là các đối tác chiến lược, đối tác lớn.

**Câu 4: Nêu những nội dung cơ bản của mô hình tăng trưởng kinh tế? (Bài 2)**

1. **Khái niệm tăng trưởng kinh tế và mô hình tăng trưởng kinh tế.**

Tăng trưởng kinh tế là sự tăng thêm về quy mô, sản lượng hàng hóa và dịch vụ trong một thời kỳ nhất định (thường là một năm).

Mô hình tăng trưởng KT là một cách diễn đạt quan điểm cơ bản nhất về sự tăng trưởng KT thông qua các biến số KT và mối liên hệ giữa chúng.

1. **Các mô hình tăng trưởng kinh tế.**
2. Mô hình tăng trưởng KT theo chiều rộng:

* Là sự tăng trưởng KT dựa trên việc gia tăng số lượng các yếu tố đầu vào như vốn, tài nguyên thiên nhiên, lao động làm chủ yếu. Mô hình tăng trưởng KT theo chiều rộng thường gắn via những nền KT có công nghệ lạc hậu, lực lượng lao động có trình độ thấp là chủ yếu, khai thác tài nguyên thô và hiệu quả sử dụng vốn đầu thấp.
* Đặc trưng của mô hình tăng trưởng KT theo chiều rộng:
* Sự gia tăng về số lượng các yếu tố đầu vào tạo ra trên 50% thu nhập của nền KT.
* Không thường xuyên sử dụng các nguồn lực có hiệu quả cao hơn.
* Chỉ chú trọng phát triển các loại công nghệ và nguồn lực SX truyền thống.
* Lợi thế của mô hình tăng trưởng KT theo chiều rộng:
* Giải phóng mọi nguồn lực của đất nước;
* Thu hút được nguồn lực từ nước ngoài;
* Giải phóng sức lao động, phát triển thị trường lao động.
* Đáp ứng yêu cầu tăng trưởng nhanh trong giai đoạn đầu phát triển của các nước đang phát triển.
* Hạn chế của mô hình tăng trưởng KT theo chiều rộng: Các nguồn lực vốn, lao động, tài nguyên là có hạn, nếu áp dụng mô hình tăng trưởng này kéo dài sẽ dẫn đến giới hạn, làm cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường, gia tăng chi phí cho một đơn vị sản phẩm, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền KT thấp, tiềm ẩn nguy cơ lạm phát, bội chi ngân sách, gây bất ổn KT vĩ mô.

1. Mô hình tăng trưởng KT theo chiều sâu:

* Là sự tăng trưởng KT dựa trên việc vận dụng khoa học – công nghệ để nâng cao hiệu quả sử dụng các yếu tố đầu vào. Mô hình tăng trưởng KT theo chiều sâu thường gắn via những nền KT có công nghệ hiện đại, lực lượng lao động có trình độ cao chiếm tỷ trọng lớn và có năng lực thiết kế, chế tạo những sản phẩm có giá trị gia tăng cao, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư cao.
* Đặc trưng của mô hình tăng trưởng KT theo chiều sâu:
* Hoàn thiện về chất các yếu tố SX và nâng cao hiệu quả sử dụng chúng đạt mức chiếm trên 50% tổng thu nhập tăng thêm của nền KT;
* Thường xuyên, liên tục sử dụng nguồn lực có hiệu quả cao hơn;
* Sử dụng các loại công nghệ và nguồn lực tiên tiến.
* Lợi thế của mô hình tăng trưởng KT theo chiều sâu: Nhân tố TFP dường như là vô hạn, nên có khả năng khắc phục được tình trạng khan hiếm nguồn lực; tiết kiệm nguồn lực, giảm chi phí, tăng hiệu quả và tăng sức cạnh tranh của nền KT; giảm ô nhiệm, bảo vệ môi trường; ít gây bất ổn KT vĩ mô và tăng trưởng KT bền vững, dài hạn.

**Câu 5: Nêu những yêu cầu, mục tiêu, nội dung và nguyên tắc của đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế ở VN đến năm 2020? (Bài 2)**

* 1. **Sự cần thiết tất yếu của việc chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam hiện nay**

- Do nền kinh tế Việt Nam vận dụng quá lâu mô hình tăng trưởng kinh tế theo chiều rộng dẫn đến nhiều hạn chế, yếu kém về hiệu quả kinh tế và năng lực cạnh tranh, mất cân đối vĩ mô trầm trọng, bất ổn xã hội và ô nhiễm môi trường.

- Do xu thế toàn cầu hướng tới đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế để giải quyết khủng hoảng tài chính và chống suy thoái kinh tế.

- Do yêu cầu của việc cần chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

* 1. **Mục tiêu của mô hình tăng trưởng kinh tế ở VN giai đoạn 2011 – 2020.**
* Khắc phục các khuyết tật của mô hình tăng trưởng cũ, giúp cho nền KT không bị rơi vào “bẫy thu nhập trung bình”, bảo đảm cho nền KT tham gia có hiệu quả vào chuỗi giá trị toàn cầu, hội nhập thành công vào nền KT thế giới.
* Phấn đấu “nâng tỷ trọng đóng góp của yếu tố năng suất tổng hợp (TFP) lên 31-32% vào năm 2015 và 35% vào năm 2020.

1. **Nguyên tắc đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế ở VN đến năm 2020.**

a) Chuyển dần tăng trưởng KT theo chiều rộng sang tăng trưởng KT theo chiều sâu.

Chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chủ yếu phát triển theo chiều rộng sang phát triển hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu, vừa mở rộng quy mô vừa chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả, tính bền vững. Thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế, trọng tâm là cơ cấu lại các ngành sản xuất, dịch vụ phù hợp với các vùng; thúc đẩy cơ cấu lại và điều chỉnh chiến lược phát triển doanh nghiệp; tăng nhanh giá trị nội địa, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm, doanh nghiệp và của cả nền kinh tế.

Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, áp dụng các hình thức thu hút đầu tư đa dạng, hấp dẫn để huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực của các thành phần kinh tế trong nước và nước ngoài, phát huy nội lực, tranh thủ ngoại lực cho phát triển. Khuyến khích đầu tư vào các ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ công nghệ cao và các giải pháp đổi mới công nghệ, chế tạo sản phẩm mới... tham gia ngày càng nhiều và có hiệu quả vào những khâu, công đoạn có hàm lượng khoa học, giá trị gia tăng cao trong mạng SX và phân phối toàn cầu.

Phát triển đa dạng các ngành, nghề để tạo nhiều việc làm và thu nhập; khuyến khích, tạo thuận lợi để người lao động học tập, nâng cao trình độ, tay nghề, đồng thời có cơ chế, chính sách phát hiện, trọng dụng nhân tài. Phát huy tiềm lực khoa học, công nghệ của đất nước, nâng cao nhanh năng suất lao động xã hội và chất lượng tăng trưởng của nền kinh tế. Tăng cường liên kết, khai thác, phát huy đúng tiềm năng, thế mạnh của từng vùng kinh tế; tạo điều kiện cho phát triển và phát huy vai trò đầu tàu của vùng kinh tế trọng điểm, tạo sức lan toả, lôi cuốn các vùng kinh tế khác.

b) Phải coi trọng hiện đại hóa, lấy hiện đại hóa làm nền tảng để đạt được tăng trưởng KT cao, ổn định và dài hạn.

Cơ cấu lại, xây dựng nền công nghiệp theo hướng phát triển mạnh những ngành có tính nền tảng, có lợi thế so sánh và có ý nghĩa chiến lược đối với sự phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững, nâng cao tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế, từng bước có khả năng tham gia sâu, có hiệu quả vào mạng sản xuất và phân phối toàn cầu. Ưu tiên phát triển và hoàn thành những công trình then chốt về cơ khí chế tạo, sản xuất máy móc, thiết bị thay thế nhập khẩu cho công nghiệp, nông nghiệp, XD; công nghiệp công nghệ cao sản xuất linh kiện điện tử, máy tính, công nghiệp dầu khí, điện, than, khai khoáng, hoá chất, luyện thép, xi măng, phân đạm..., công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp quốc phòng, an ninh với trình độ công nghệ ngày càng cao, sạch, tiêu tốn ít nguyên liệu, năng lượng, tăng sức cạnh tranh và giá trị gia tăng.

Phát triển năng lực nghiên cứu, thiết kế, chế tạo các sản phẩm công nghiệp có công nghệ tiên tiến, giá trị gia tăng cao, nhất là các máy điều khiển kỹ thuật số, hệ thống tự động hoá, có khả năng xuất khẩu, thay thế nhập khẩu, nâng cao tỉ lệ nội địa hoá sản phẩm...;

Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững, phát huy lợi thế của nền nông nghiệp nhiệt đới. Trên cơ sở tích tụ đất đai, đẩy mạnh cơ giới hoá, áp dụng công nghệ hiện đại (nhất là công nghệ sinh học); bố trí lại cơ cấu cây trồng, vật nuôi; phát triển kinh tế hộ, trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp, vùng chuyên môn hoá, khu nông nghiệp công nghệ cao, các tổ hợp sản xuất lớn. Thực hiện tốt việc gắn kết chặt chẽ “bốn nhà” (nhà nông, nhà khoa học, nhà DN, nhà nước) và phát triển CN, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ ở khu vực nông thôn. Phát triển các hiệp hội nông dân và các tổ chức khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, tạo điều kiện để các tổ chức này hoạt động thiết thực, có hiệu quả.

Xây dựng nông thôn mới: Quy hoạch phát triển nông thôn và phát triển đô thị và bố trí các điểm dân cư. Phát triển mạnh công nghiệp, dịch vụ và làng nghề gắn với bảo vệ môi trường. Triển khai chương trình xây dựng nông thôn mới phù hợp với đặc điểm từng vùng theo các bước đi cụ thể, vững chắc trong từng giai đoạn; giữ gìn và phát huy những truyền thống văn hoá tốt đẹp của nông thôn Việt Nam. Đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn. Tạo môi trường thuận lợi để khai thác mọi khả năng đầu tư vào nông nghiệp và nông thôn, nhất là đầu tư của các doanh nghiệp nhỏ và vừa, thu hút nhiều lao động. Triển khai có hiệu quả chương trình đào tạo nghề cho 1 triệu lao động nông thôn mỗi năm.

Ưu tiên phát triển và hiện đại hoá các dịch vụ tài chính, ngân hàng, viễn thông, thương mại, du lịch, vận tải, dịch vụ chăm sóc sức khoẻ, giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ. Có cơ chế, chính sách khuyến khích sử dụng hàng hoá sản xuất trong nước, mở rộng thị trường nội địa, phát triển mạnh thương mại trong nước ở tất cả các vùng; hoàn thiện hệ thống phân phối để xác lập vị thế vững chắc của doanh nghiệp trong nước trên thị trường bán lẻ. Đẩy mạnh và khuyến khích xuất khẩu, đặc biệt là những mặt hàng mới, sản phẩm chế biến, chế tạo có hàm lượng khoa học công nghệ cao, giá trị gia tăng cao; giảm mạnh xuất khẩu nguyên liệu, khoáng sản, sản phẩm thô. Hình thành các trung tâm thương mại - dịch vụ lớn, vừa là trung tâm giao thương trong nước, vừa là cửa ngõ giao thương với nước ngoài tại Thủ đô Hà Nội, TP.Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng và Cần Thơ. Xây dựng một số trung tâm du lịch lớn trong nước, gắn kết có hiệu quả với các trung tâm du lịch lớn của các nước trong khu vực.

c) Phải bảo đảm sự bình đẳng giữa các thành phần KT và phát triển tất cả các vùng.

Đẩy mạnh đổi mới, sắp xếp và nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước. Khẩn trương cơ cấu lại ngành nghề kinh doanh của các tập đoàn kinh tế và các tổng công ty nhà nước, tập trung vào một số ngành, lĩnh vực then chốt của nền kinh tế. Từng bước xây dựng các doanh nghiệp mang tầm khu vực và toàn cầu. Xác định đúng đắn, cụ thể hơn quyền hạn, trách nhiệm của hội đồng quản trị và giám đốc doanh nghiệp đối với vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp, vừa bảo đảm quyền chủ động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, vừa bảo toàn, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và tài sản nhà nước.

Đẩy mạnh phát triển kinh tế tập thể với nhiều hình thức đa dạng, mà nòng cốt là hợp tác xã. Tổng kết tình hình phát triển các hợp tác xã và thực hiện Luật Hợp tác xã. Khẩn trương hoàn thiện hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện cho việc ra đời, phát triển các hợp tác xã, các tổ hợp tác kiểu mới và các mô hình kinh tế tập thể khác theo nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi, có chức năng kinh tế và xã hội. Tạo điều kiện phát triển các trang trại ở nông thôn và hình thành hợp tác xã của các chủ trang trại.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát triển mạnh kinh tế tư nhân trở thành một trong những động lực của nền kinh tế. Phát triển mạnh các loại hình kinh tế tư nhân ở hầu hết các ngành, lĩnh vực kinh tế theo quy hoạch và quy định của pháp luật. Tạo điều kiện hình thành một số tập đoàn kinh tế tư nhân và tư nhân góp vốn vào các tập đoàn kinh tế nhà nước. Thu hút mạnh đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào những ngành, lĩnh vực kinh tế phù hợp với quy hoạch và chiến lược phát triển của đất nước, nhất là các lĩnh vực công nghệ cao. Hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các trang trại, hộ sản xuất kinh doanh, đặc biệt trong nông nghiệp và khu vực nông thôn, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế thị trường, hội nhập kinh tế quốc tế.

Khuyến khích phát triển các loại hình doanh nghiệp với hình thức sở hữu hỗn hợp như: công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn nhiều thành viên, công ty hợp danh, hợp tác xã cổ phần. Rà soát, bổ sung, hoàn thiện các quy định luật pháp về quyền và nghĩa vụ trước pháp luật của người sở hữu (hội đồng quản trị), quyền và trách nhiệm của người được chủ sở hữu giao quản lý sử dụng các tài sản để kinh doanh (ban giám đốc); phân phối lợi nhuận tạo ra cho người chủ sở hữu, người được giao quản lý sử dụng và người lao động.

Phát huy tiềm năng, thế mạnh của từng vùng với tầm nhìn dài hạn, tăng cường liên kết giữa các địa phương trong vùng theo quy hoạch, khắc phục tình trạng đầu tư trùng lặp, thiếu liên kết giữa các địa phương trong vùng; đồng thời tăng cường sự liên kết, phối hợp giữa các vùng để các vùng đều phát triển, từng bước giảm bớt chênh lệch về trình độ phát triển và mức sống dân cư giữa các vùng. Tiếp tục đẩy mạnh phát triển các vùng kinh tế, lãnh thổ trọng điểm tạo động lực cho nền kinh tế. Tăng cường chính sách hỗ trợ phát triển các vùng còn nhiều khó khăn, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Phát triển hài hoà giữa thành thị và nông thôn. Phát triển đô thị phù hợp với quá trình phát triển kinh tế, theo quy hoạch dài hạn, không khép kín theo ranh giới hành chính và xử lý đúng mối quan hệ giữa đô thị hoá và hiện đại hoá nông thôn. Đẩy mạnh việc đưa công nghiệp và dịch vụ về nông thôn để hạn chế tình trạng nông dân ra các thành phố, đồng thời không để một khu vực lãnh thổ rộng lớn nào trống vắng đô thị.

d) Hài hòa vai trò nhà nước và thị trường trong phân bổ các nguồn lực tăng trưởng.

Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước đối với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tiếp tục đổi mới tư duy kinh tế, nâng cao năng lực lãnh đạo kinh tế của các tổ chức đảng; tăng cường, sử dụng hợp lý các tổ chức, cán bộ nghiên cứu để tham mưu cho Đảng trong việc xây dựng, lãnh đạo và kiểm tra việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển kinh tế - xã hội. Đảng và Nhà nước phải thật sự nâng cao vai trò lãnh đạo, quản lý kinh tế thị trường, chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý có đủ phẩm chất, năng lực, trình độ công tác.

Đổi mới, nâng cao vai trò và hiệu lực quản lý kinh tế của Nhà nước phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế trong giai đoạn mới trên cơ sở tôn trọng và vận dụng đầy đủ, đúng đắn các quy luật và cơ chế vận hành của kinh tế thị trường. Vận dụng và phát huy mặt tích cực; hạn chế, ngăn ngừa mặt trái của cơ chế thị trường; tạo ra những tiền đề để nền kinh tế phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhà nước tập trung duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, định hướng phát triển, tạo điều kiện để nền kinh tế phát triển nhanh, bền vững. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống luật pháp, chính sách kinh tế; đổi mới công tác xây dựng, thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Phân định rõ hơn chức năng quản lý kinh tế của Nhà nước và chức năng của các tổ chức kinh doanh vốn và tài sản nhà nước.

e) Gắn kết tăng trưởng KT via thực hiện tiến bộ, công bằng XH và bảo vệ môi trường.

Tập trung giải quyết tốt chính sách lao động, việc làm và thu nhập. Kiên quyết khắc phục những bất hợp lý về tiền lương, tiền công, trợ cấp xã hội phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của đất nước; gắn cải cách tiền lương với sắp xếp, kiện toàn, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức của hệ thống chính trị. Gắn tiền lương của người lao động với hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Chăm lo bảo hộ lao động; cải thiện điều kiện làm việc; hạn chế tai nạn lao động; tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật lao động, đưa việc thi hành pháp luật lao động vào nền nếp; xây dựng quan hệ lao động ổn định, hài hoà, tiến bộ.

Sửa đổi, hoàn thiện hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, trợ giúp và cứu trợ xã hội đa dạng, linh hoạt, có khả năng bảo vệ, giúp đỡ mọi thành viên trong xã hội, nhất là các nhóm yếu thế, dễ bị tổn thương, vượt qua khó khăn hoặc các rủi ro trong đời sống. Tăng tỉ lệ người lao động tham gia các hình thức bảo hiểm. Đẩy mạnh xã hội hoá dịch vụ bảo hiểm xã hội, chuyển các loại hình trợ giúp, cứu trợ xã hội sang cung cấp dịch vụ bảo trợ xã hội dựa vào cộng đồng. Bảo đảm cho các đối tượng bảo trợ xã hội có cuộc sống ổn định, hoà nhập tốt hơn vào cộng đồng, có cơ hội tiếp cận nguồn lực kinh tế, dịch vụ công thiết yếu. Thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật bảo hiểm xã hội, đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ chế độ quy định đối với mọi đối tượng.

Tập trung triển khai có hiệu quả các chương trình xoá đói, giảm nghèo ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Đa dạng hoá các nguồn lực và phương thức xoá đói, giảm nghèo gắn với phát triển nông nghiệp, nông thôn, phát triển giáo dục, dạy nghề và giải quyết việc làm để xoá đói, giảm nghèo bền vững; tạo điều kiện và khuyến khích người đã thoát nghèo vươn lên làm giàu và giúp đỡ người khác thoát nghèo.

Coi trọng bảo vệ môi trường, chủ động phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu. Nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của toàn xã hội, trước hết là của cán bộ lãnh đạo các cấp về bảo vệ môi trường. Khẩn trương hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường; xây dựng chế tài đủ mạnh để ngăn ngừa, xử lý nghiêm các hành vi gây ô nhiễm môi trường. Ngăn chặn có hiệu quả nạn phá rừng, cháy rừng và tình trạng khai thác tài nguyên bừa bãi; xử lý nghiêm các cơ sở gây ô nhiễm, khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường.

Đưa nội dung bảo vệ môi trường vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, vùng và các chương trình, dự án đầu tư. Các dự án, công trình đầu tư xây dựng mới bắt buộc phải thực hiện nghiêm các quy định bảo vệ môi trường. Quản lý, khai thác hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, đảm bảo cân bằng sinh thái. Chú trọng phát triển kinh tế xanh, thân thiện với môi trường; từng bước phát triển năng lượng sạch, sản xuất sạch, tiêu dùng sạch. Chủ động nghiên cứu, đánh giá, dự báo tác động của biến đổi khí hậu đối với nước ta; thực hiện có hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia về ứng phó với biến đổi khí hậu; tích cực tham gia, phối hợp cùng cộng đồng quốc tế hạn chế tác động tiêu cực củabiến đổi khí hậu, bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất. Tăng cường đầu tư, nâng cao chất lượng hệ thống dự báo, cảnh báo thiên tai. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao ý thức phòng, chống thiên tai trong mỗi người dân, nhất là nhân dân vùng thường xảy ra thiên tai. Quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các ngành, các địa phương phải chú ý đáp ứng yêu cầu phòng, chống thiên tai; tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng nơi neo đậu tàu thuyền tránh bão, hệ thống thoát lũ, phương tiện liên lạc, cứu hộ, cứu nạn ở vùng thường xuyên bị thiên tai, hạn chế thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra.

Nhà nước tăng đầu tư, đồng thời có các cơ chế, chính sách ưu đãi để đẩy mạnh xã hội hoá, huy động các nguồn lực phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường.

g) Đổi mới mô hình tăng trưởng một cách toàn diện, đồng bộ và có hệ thống.

**4. Giải pháp chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế**

- Phát triển nhanh nguồn nhân lực chất lượng cao, gắn kết via phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ. Đây được coi là chìa khóa của quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế của nước ta trong thời gian tới.

- Tái cấu trúc nền kinh tế bắt đầu tư khu vực nhà nước, trước hết là hệ thống ngân sách, đầu tư công và hệ thống doanh nghiệp nhà nước.

- Tái cấu trúc đầu tư theo hướng giảm quy mô và tăng hiệu quả đầu tư toàn XH. Để thực hiện nội dung này cần ưu tiên thực hiện một số chính sách: giảm quy mô, đồng thời tăng hiệu quả của đầu tư công; giảm quy mô, đồng thời tăng hiệu quả của khu vực doanh nghiệp nhà nước.

- Thực hiện kỷ luật tài khóa. Để thay đổi cơ cấu kinh tế, cần bắt đầu via chính sách tài khóa, thực hiện nghiêm kỷ luật tài khóa.

- Tái cấu trúc khu vực tài chính, trong đó trọng tâm là hệ thống ngân hàng.

- Thực hiện cơ chế thị trường cho các loại giá cơ bản như lãi suất, tỷ giá, giá đất, năng lượng….

- Xây dựng khu vực dân doanh thành động lực tăng trưởng của nền KT. Muốn vậy cần có cơ chế phân bổ nguồn lực bình đẳng đối via khu vực KT này.

- Đổi mới quản lý NN cho phù hợp via nền KT. Tách bạch chức năng hành pháp chính trị và hành chính công vụ, cải cách thể chế, cải cách cách làm kế hoạch….

**Câu 6: Nêu những quan điểm, định hướng và giải pháp chủ yếu phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế theo hướng phát triển bền vững ở VN hiện nay?**

**1. Mối quan hệ giữa các ngành, lĩnh vực kinh tế với tăng trưởng kinh tế:** Các ngành, lĩnh vực kinh tế gồm nông nghiệp – công nghiệp – dịch vụ không chỉ có mối liên hệ với nhau mà còn có mối liên hệ với tăng trưởng kinh tế. Chính các ngành, lĩnh vực kinh tế thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, là cơ sở để thực hiện các mục tiêu tăng trưởng và tăng trưởng kinh tế tạo nguồn lực cho sự phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế.

**2. Thực trạng và giải pháp phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế ở Việt Nam**

***2.1 Thực trạng***

*a) Kết quả đạt được*

+ Nông nghiệp:

* Nông nghiệp phát triển ổn định, sản xuất lương thực đã đảm bảo an ninh lương thực quốc gia.
* Trong nội bộ cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn đã có sự chuyển dịch ngày càng tích cực theo hướng CNH, HĐH.
* Kinh tế nông thôn và đời sống của nông dân được cải thiện hơn trứơc.
* Việc tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, đầu tư, phát triển giống mới có năng suất, chất lượng cao, phát triển các cụm công nghiệp, làng nghề, tiểu thủ công nghiệp,… đã có tác động tích cực đến việc sản xuất, tạo việc làm và xóa đói, giảm nghèo.
* Tỷ lệ hộ nông nghiệp giảm, tỷ lệ hộ công nghiệp, dịch vụ tăng

+ Công nghiệp:

* Sản phẩm công nghiệp phát triển ngày càng đa dạng, phong phú về chủng loại, chất lượng được cải thiện, từng bước nâng cao khả năng cạnh tranh, đảm bảo cung cầu của nền kinh tế, giữ vững thị trường trong nước và mở rộng thị trường xuất khẩu.
* Cơ cấu ngành công nghiệp đã có sự chuyển dịch theo hướng phát huy được lợi thế của ngành, hình thành được một số khu công nghiệp, khu chế xuất có công nghệ cao, đồng thời phát triển mạnh một số ngành chế biến nông sản.
* Đã đầu tư phát triển một số ngành công nghiệp mới, công nghệ cao.

+ Dịch vụ:

* Khu vực dịch vụ có tốc độ tăng trưởng ổn định
* Các ngành dịch vụ truyền thống như thương nghiệp, vận tải, bưu chính viễn thông, khách sạn, nhà hàng phát triển khá.
* Các ngành dịch vụ có tỷ lệ phí trung gian thấp: ngân hàng, bảo hiểm phát triển khá nhanh.

*b) Tồn tại, khuyết điểm*

. Tăng trưởng kinh tế chủ yếu theo chiều rộng dựa vào tăng đầu tư, khai thác tài nguyên; các cân đối vĩ mô chưa vững chắc.

. Công nghiệp chế tạo, chế biến phát triển chậm, gia công, lắp ráp còn chiếm tỉ trọng lớn.

. Cơ cấu kinh tế giữa các ngành, lĩnh vực chuyển dịch theo hướng tích cực nhưng còn chậm. Cơ cấu trong nội bộ từng ngành cũng chưa thật hợp lý.

. Năng suất lao động xã hội thấp hơn nhiều so với các nước trong khu vực. Năng lực cạnh tranh quốc gia chậm được cải thiện.

. Đầu tư vẫn dàn trải. Hiệu quả sử dụng các nguồn vốn đầu tư còn thấp, còn thất thoát, lãng phí, nhất là nguồn vốn đầu tư của Nhà nước.

. Hệ thống kết cấu hạ tầng phát triển chậm, thiếu đồng bộ, đặc biệt đối với khu vực đồng bào dân tộc thiểu số. Chất lượng nhiều công trình xây dựng cơ bản còn thấp.

. Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên hiệu quả chưa cao, còn lãng phí. Tình trạng khai thác rừng, khai thác khoáng sản bất hợp pháp vẫn còn xảy ra ở nhiều nơi, nhưng chưa có biện pháp hữu hiệu, ngăn chặn kịp thời.

. Trình độ phát triển giữa các vùng cách biệt lớn và có xu hướng mở rộng.

. Các chỉ tiêu tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) và chuyển dịch cơ cấu kinh tế không đạt kế hoạch Đại hội X đề ra.

Những yếu tố bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường chưa được chú ý đúng mức. Một số tập đoàn kinh tế và doanh nghiệp nhà nước kinh doanh thua lỗ, gây bức xúc trong xã hội. Chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, các nông, lâm trường quốc doanh chậm, lúng túng.

. Chất lượng xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển một số ngành, vùng, nhất là quy hoạch sử dụng đất đai, tài nguyên khoáng sản còn yếu, gây lãng phí, thất thoát lớn.

. Quản lý thị trường, nhất là thị trường bất động sản, thị trường tài chính, có lúc còn lúng túng, sơ hở, thiếu chặt chẽ dẫn đến tình trạng đầu cơ, làm giàu bất chính cho một số người; chính sách phân phối còn nhiều bất hợp lý.

**2. Thực trạng và giải pháp phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế ở Việt Nam**

***2.1 Thực trạng***

*a) Kết quả đạt được*

+ Nông nghiệp:

* Nông nghiệp phát triển ổn định, sản xuất lương thực đã đảm bảo an ninh lương thực quốc gia.
* Trong nội bộ cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn đã có sự chuyển dịch ngày càng tích cực theo hướng CNH, HĐH.
* Kinh tế nông thôn và đời sống của nông dân được cải thiện hơn trứơc.
* Việc tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, đầu tư, phát triển giống mới có năng suất, chất lượng cao, phát triển các cụm công nghiệp, làng nghề, tiểu thủ công nghiệp,… đã có tác động tích cực đến việc sản xuất, tạo việc làm và xóa đói, giảm nghèo.
* Tỷ lệ hộ nông nghiệp giảm, tỷ lệ hộ công nghiệp, dịch vụ tăng

+ Công nghiệp:

* Sản phẩm công nghiệp phát triển ngày càng đa dạng, phong phú về chủng loại, chất lượng được cải thiện, từng bước nâng cao khả năng cạnh tranh, đảm bảo cung cầu của nền kinh tế, giữ vững thị trường trong nước và mở rộng thị trường xuất khẩu.
* Cơ cấu ngành công nghiệp đã có sự chuyển dịch theo hướng phát huy được lợi thế của ngành, hình thành được một số khu công nghiệp, khu chế xuất có công nghệ cao, đồng thời phát triển mạnh một số ngành chế biến nông sản.
* Đã đầu tư phát triển một số ngành công nghiệp mới, công nghệ cao.

+ Dịch vụ:

* Khu vực dịch vụ có tốc độ tăng trưởng ổn định
* Các ngành dịch vụ truyền thống như thương nghiệp, vận tải, bưu chính viễn thông, khách sạn, nhà hàng phát triển khá.
* Các ngành dịch vụ có tỷ lệ phí trung gian thấp: ngân hàng, bảo hiểm phát triển khá nhanh.

*b) Tồn tại, khuyết điểm*

. Tăng trưởng kinh tế chủ yếu theo chiều rộng dựa vào tăng đầu tư, khai thác tài nguyên; các cân đối vĩ mô chưa vững chắc.

. Công nghiệp chế tạo, chế biến phát triển chậm, gia công, lắp ráp còn chiếm tỉ trọng lớn.

. Cơ cấu kinh tế giữa các ngành, lĩnh vực chuyển dịch theo hướng tích cực nhưng còn chậm. Cơ cấu trong nội bộ từng ngành cũng chưa thật hợp lý.

. Năng suất lao động xã hội thấp hơn nhiều so với các nước trong khu vực. Năng lực cạnh tranh quốc gia chậm được cải thiện.

. Đầu tư vẫn dàn trải. Hiệu quả sử dụng các nguồn vốn đầu tư còn thấp, còn thất thoát, lãng phí, nhất là nguồn vốn đầu tư của Nhà nước.

. Hệ thống kết cấu hạ tầng phát triển chậm, thiếu đồng bộ, đặc biệt đối với khu vực đồng bào dân tộc thiểu số. Chất lượng nhiều công trình xây dựng cơ bản còn thấp.

. Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên hiệu quả chưa cao, còn lãng phí. Tình trạng khai thác rừng, khai thác khoáng sản bất hợp pháp vẫn còn xảy ra ở nhiều nơi, nhưng chưa có biện pháp hữu hiệu, ngăn chặn kịp thời.

. Trình độ phát triển giữa các vùng cách biệt lớn và có xu hướng mở rộng.

. Các chỉ tiêu tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) và chuyển dịch cơ cấu kinh tế không đạt kế hoạch Đại hội X đề ra.

Những yếu tố bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường chưa được chú ý đúng mức. Một số tập đoàn kinh tế và doanh nghiệp nhà nước kinh doanh thua lỗ, gây bức xúc trong xã hội. Chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, các nông, lâm trường quốc doanh chậm, lúng túng.

. Chất lượng xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển một số ngành, vùng, nhất là quy hoạch sử dụng đất đai, tài nguyên khoáng sản còn yếu, gây lãng phí, thất thoát lớn.

. Quản lý thị trường, nhất là thị trường bất động sản, thị trường tài chính, có lúc còn lúng túng, sơ hở, thiếu chặt chẽ dẫn đến tình trạng đầu cơ, làm giàu bất chính cho một số người; chính sách phân phối còn nhiều bất hợp lý.

**3. Quan điểm phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế theo hướng phát triển bền vững ở VN hiện nay**

**4. Định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực KT ở VN đến năm 2020.**

* 1. **Phát triển ngành công nghiệp và xây dựng:** Phát triển mạnh CN và xây dựng theo hướng hiện đại, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh.

Cơ cấu lại sản xuất công nghiệp cả về ngành kinh tế - kỹ thuật, vùng và giá trị mới. Tăng hàm lượng khoa học công nghệ và tỉ trọng giá trị nội địa trong sản phẩm. Phát triển có chọn lọc công nghiệp chế biến, chế tác, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp năng lượng, khai khoáng, luyện kim, hoá chất, công nghiệp quốc phòng.

Ưu tiên phát triển các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, sản phẩm có khả năng tham gia mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu thuộc các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp cơ khí, công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông, công nghiệp dược...

Phát triển mạnh công nghiệp hỗ trợ. Chú trọng phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo và vật liệu mới đi đôi với áp dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng, nguyên liệu. Từng bước phát triển công nghiệp sinh học và công nghiệp môi trường. Tiếp tục phát triển phù hợp các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động.

Phát huy hiệu quả các khu, cụm công nghiệp và đẩy mạnh phát triển công nghiệp theo hình thức cụm, nhóm sản phẩm tạo thành các tổ hợp công nghiệp quy mô lớn và hiệu quả cao; hoàn thành việc xây dựng các khu công nghệ cao và triển khai xây dựng một số khu nghiên cứu cải tiến kỹ thuật và đổi mới công nghệ. Thực hiện phân bố công nghiệp hợp lý trên toàn lãnh thổ, bảo đảm phát triển cân đối và hiệu quả giữa các vùng.

Phát triển ngành xây dựng đạt trình độ tiên tiến trong khu vực. Nhanh chóng tiếp cận và làm chủ các công nghệ hiện đại, nâng cao năng lực công nghiệp xây lắp đáp ứng yêu cầu xây dựng trong nước và có khả năng cạnh tranh trong đấu thầu quốc tế. Phát triển mạnh công nghiệp vật liệu xây dựng, nhất là vật liệu chất lượng cao, áp dụng công nghệ mới.

* 1. **Phát triển ngành nông nghiệp:** PT nền NN toàn diện theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững.

Khai thác lợi thế của nền nông nghiệp nhiệt đới để phát triển sản xuất hàng hóa lớn với năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao.

Tăng nhanh sản lượng và kim ngạch xuất khẩu nông sản, nâng cao thu nhập và đời sống nông dân, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia.

Xây dựng mô hình sản xuất kinh doanh phù hợp với từng loại cây, con. Khuyến khích tập trung ruộng đất; phát triển trang trại, doanh nghiệp nông nghiệp phù hợp về quy mô và điều kiện của từng vùng.

Gắn kết chặt chẽ, hài hoà lợi ích giữa người sản xuất, người chế biến và người tiêu thụ, giữa việc áp dụng kỹ thuật và công nghệ với tổ chức sản xuất, giữa phát triển nông nghiệp với xây dựng nông thôn mới. Đổi mới cơ bản phương thức tổ chức kinh doanh nông sản, trước hết là kinh doanh lúa gạo; bảo đảm phân phối lợi ích hợp lý trong từng công đoạn từ sản xuất đến tiêu dùng. Phát triển hệ thống kho chứa nông sản, góp phần điều tiết cung cầu. Tiếp tục đổi mới, xây dựng mô hình tổ chức để phát triển kinh tế hợp tác phù hợp với cơ chế thị trường. Kiểm soát chặt chẽ việc chuyển đất nông nghiệp, nhất là đất trồng lúa sang sử dụng vào mục đích khác đi đôi với việc bảo đảm lợi ích của người trồng lúa và địa phương trồng lúa. Trên cơ sở quy hoạch vùng, bố trí cơ cấu cây trồng, vật nuôi, mùa vụ và giống phù hợp với nhu cầu thị trường và giảm thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh. Phát triển các hình thức bảo hiểm phù hợp trong nông nghiệp. Đẩy nhanh áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ hiện đại trong sản xuất, chế biến, bảo quản; ưu tiên ứng dụng công nghệ sinh học để tạo nhiều giống cây trồng, vật nuôi và quy trình sản xuất đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả cao, tăng nhanh giá trị gia tăng trên một đơn vị đất canh tác. Hỗ trợ phát triển các khu nông nghiệp công nghệ cao. Đẩy mạnh chăn nuôi theo phương thức công nghiệp, bán công nghiệp, bảo đảm chất lượng và an toàn dịch bệnh.

Phát triển lâm nghiệp bền vững. Quy hoạch và có chính sách phát triển phù hợp các loại rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng với chất lượng được nâng cao. Nhà nước đầu tư và có chính sách đồng bộ để quản lý và phát triển rừng phòng hộ và rừng đặc dụng, đồng thời bảo đảm cho người nhận khoán chăm sóc, bảo vệ rừng có cuộc sống ổn định. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư trồng rừng sản xuất; gắn trồng rừng nguyên liệu với công nghiệp chế biến ngay từ trong quy hoạch và dự án đầu tư; lấy nguồn thu từ rừng để phát triển rừng và làm giàu từ rừng.

Khai thác bền vững, có hiệu quả nguồn lợi thủy sản, phát triển đánh bắt xa bờ, gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường biển. Phát triển nuôi trồng thuỷ sản theo quy hoạch, tập trung vào những sản phẩm có thế mạnh, có giá trị cao; xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng vùng nuôi; đẩy mạnh áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất và chế biến, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh và đáp ứng yêu cầu vệ sinh, an toàn thực phẩm. Xây dựng ngành thuỷ sản Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực.

Quy hoạch và phát triển có hiệu quả nghề muối, bảo đảm nhu cầu của đất nước và đời sống diêm dân.

* 1. **Phát triển ngành dịch vụ:** Phát triển mạnh các ngành DV, nhất là các dịch vụ có giá trị cao, tiềm năng lớn và có sức cạnh tranh.

Phát triển khu vực dịch vụ đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn các khu vực sản xuất và cao hơn tốc độ tăng GDP là một hướng quan trọng chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Tập trung phát triển một số ngành dịch vụ có lợi thế, có hàm lượng tri thức và công nghệ cao như du lịch, hàng hải, hàng không, viễn thông, công nghệ thông tin, y tế.

Hình thành một số trung tâm dịch vụ, du lịch có tầm cỡ khu vực và quốc tế. Mở rộng thị trường nội địa, phát triển mạnh thương mại trong nước; đa dạng hoá thị trường ngoài nước, khai thác có hiệu quả các thị trường có hiệp định mậu dịch tự do và thị trường tiềm năng, tăng nhanh xuất khẩu, giảm nhập siêu cả quy mô và tỉ trọng, phấn đấu cân bằng xuất nhập khẩu. Chủ động tham gia vào mạng phân phối toàn cầu, phát triển nhanh hệ thống phân phối các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh ở cả trong và ngoài nước, xây dựng thương hiệu hàng hoá Việt Nam. Đa dạng hóa sản phẩm và các loại hình du lịch, nâng cao chất lượng để đạt tiêu chuẩn quốc tế. Hiện đại hóa và mở rộng các dịch vụ có giá trị gia tăng cao như tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, lô-gi-stíc và các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác. Phát triển mạnh dịch vụ khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, văn hóa, thông tin, thể thao, dịch vụ việc làm và an sinh xã hội.

**5. Những giải pháp chủ yếu nhằm đẩy mạnh phát triển ngành, lĩnh vực KT ở VN trong thời gian tới:**

1. Xây dựng tốt chiến lược PT ngành, lĩnh vực KT là điều kiện tiên quyết để phát triển ngành, lĩnh vực hiệu quả và bền vững.

* Mỗi ngành, lĩnh vực kinh tế phải XD được chiến lược phát triển riêng, nhưng trên nền tảng phối kế hợp giữa chiến lược PT ngành CN, nông nghiệp và dịch vụ. Đảm bảo chiến lược phát triển riêng có tác động cùng chiều, thúc đẩy thực hiện tốt chiến lược PT KT – XH 2011-2020.
* Thông qua XD chiến lược phát triển ngành CN, NN và DV, có thể tái cơ cấu KT ngành, lĩnh vực theo hướng phát triển bền vững; gắn tái cơ cấu KT với đổi mới mô hình tăng trưởng từ phát triển chủ yếu theo chiều rộng rang mô hình tăng trưởng KT theo chiều sâu; phát huy tốt tiềm năng, lợi thế về tự nhiên, KT, XH để phát triển bền vững nền KT quốc dân.

1. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực thúc đẩy PT các ngành, lĩnh vực KT.

* Nguồn lực tài nguyên thiên nhiên có mối quan hệ mật thiết với tăng trưởng, phát triển của các ngành, lĩnh vực KT, nhất là ngành CN khai thác. Trong quá trình huy động nguồn lực tài nguyên thiên nhiên phải gắn chặt khai thác, huy động với bảo vệ nguồn tài nguyên, nhất là tài nguyên hữu hạn; sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên. Hạn chế tối đa khai thác tài nguyên để xuất khẩu thô mà cần phải đi sâu vào phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ chế biến sâu, đem lại giá trị gia tăng cao.
* Nguồn lực lao động chất lượng cao: Muốn huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực lao động, phải đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu lao động từ ngành nông nghiệp sang ngành công nghiệp và dịch vụ đi đôi với nâng cao chất lượng nguồn lực lao động. Phát triển giáo dục và đào tạo.
* Nguồn lực khoa học – công nghệ: phải hướng trọng tâm hoạt động khoa học – công nghẹ vào phục vụ và đẩy mạnh, có hiệu quả CNH, HĐH ngành CN, nông nghiệp, dịch vụ. Đổi mới cơ chế, chính sách hoạt động khoa học – công nghệ, phát huy vai trò, hiệu quả của các tổ chức khoa học, công nghệ chủ lực trong việc thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ trong điểm.
* Nguồn lực vốn đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực KT, cần phải huy động tổng lực và gắn huy động tổng lực với sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư trong nước và nguồn vốn đầu tư nước ngoài. Đẩy mạnh các hoạt động vận động ODA, vay các khoản nợ từ FPI gắn liền với sử dụng hiệu quả các nguồn vốn này.

1. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại đảm bảo phát triển bền vững các ngành, lĩnh vực KT.

* Phát triển đồng bộ, hiệu quả và đi trước một bước sẽ tạo đà để ngành CN, NN và DV phát triển; góp phần giảm giá thành sản phẩm hàng hóa và dịch vụ. Hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại sẽ góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất – KD; nâng cao năng lực cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực KT, thúc đẩy tăng trưởng, PT bền vững nền KT quốc dân.
* Hoàn thiện quy hoạch hệ thống kết cấu hạ tầng trong cả nước. phát triển có trọng tâm, trọng điểm và đầu tư tập trung dứt điểm, hoàn thành những công trình kết cấu hạ tầng then chốt theo hướng đồng bộ, hiện đại.
* Xây dựng các công trình xử lý chất thải rắn, nước, khí thải và công trình bảo vệ môi trường…

1. Đổi mới và hoàn thiện cơ chế, chính sách vĩ mô thúc đẩy phát triển bền vững ngành, linh vực KT.

* Tiếp tục đổi mới và hoàn thiện cơ chế quản lý kinh tế theo hướng phát triển nền KT thị trường, định hướng XHCN.
* Đổi mới và hoàn thiện chính sách quy hoạch, kế hoạch; chính sách đất đai, chính sách tài chính – ngân hàng; chính sách phát triển nguồn nhân lực; chính sách phát triển khoa học – công nghệ; chính sách phát triển thị trường…

1. Đẩy mạnh phát triển thị trường, đảm bảo chủ động hội nhập quốc tế trong PT ngành, lĩnh vực KT.

* Phát triển thị trường đầu ra cho sản phẩm CN, NN, DV là yêu cầu tất yếu, khách quan trong tiến trình phát triển nền KT hội nhập quốc tế.
* Phát triển thị trường cho các SP phải đảm bảo phát triển song hành thị trường trong nước và khu vực, thị trường thế giới.
* Chú trọng phát triển vững chắc thị trường nội địa; xâm nhập, mở rộng và phát triển thị trường mới; chinh phục thị trường phát triển và khó tính.

**Câu 7: Phân biệt công nghiệp hóa, hiện đại hóa với kinh tế tri thức?**

1. **Khái niệm công nghiệp hóa, hiện đại hóa, kinh tế tri thức**

* Công nghiệp hóa là quá trình chuyển dịch từ kinh tế nông nghiệp hay tiểu công nghiệp) lên kinh tế công nghiệp, từ xã hội nông nghiệp lên xã hội công nghiệp, từ văn minh nông nghiệp lên văn minh công nghiệp
* Hiện đại hóa là quá trình chuyển dịch căn bản từ xã hội truyền thống lên xã hội hiện đại, quá trình làm cho nền kinh tế và đời sống xã hội mang tính chất và trình độ của thời đại ngày nay.
* Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế -xã hội, từ sử dụng lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động với công nghệ, phương tiện, phương pháp tiên tiến hiện đại, dựa trên sự phát triển của công nghiệp và tiến bộ khoa học công nghệ tạo ra năng suất lao động xã hội cao.
* Kinh tế tri thức là nền kinh tế trong đó việc tạo ra, truyền bá và sử dụng tri thức là động lực chủ yếu của sự tăng trưởng, của quá trình tạo ra của cải và việc làm trong tất cả các ngành kinh tế. Nền kinh tế tri thức được phát triển dựa trên 4 trụ cột: môi trường kinh tế và thể chế xã hội, giáo dục và đào tạo, hệ thống cách tân (đổi mới) và hạ tầng cơ sở thông tin.

1. **Khác nhau giữa công nghiệp hóa, hiện đại hóa với kinh tế tri thức**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **CNH - HĐH** | **Kinh tế tri thức** |
| Chủ thể | Quá trình chuyển đổi | Nền kinh tế |
| Điều kiện thực hiện | * Sự phát triển của công nghiệp và tiến bộ khoa học công nghệ | * Môi trường kinh tế và thể chế xã hội * Giáo dục và đào tạo * Hệ thống cách tân * Hạ tầng cơ sở thông tin |
| Phương thức thực hiện | * Sử dụng lao động với công nghệ, phương tiện, phương pháp tiên tiến hiện đại | * Phát minh, truyền bá và sử dụng tri thức |
| Đối tượng tác động | * Các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế - xã hội | * Ngành chất lượng cao với các sản phẩm vô hình |
| Kết quả | * Tạo ra năng suất xã hội cao |  |

**Câu 8: Nêu những nhiệm vụ cơ bản nhằm đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam?**

**1. Mục tiêu về công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức**

Mục tiêu lâu dài của công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức là cải biến nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, có cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, mức sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng – an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

*Mục tiêu đến 2020:*  nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

*Tại Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XI, Đảng ta đề ra mục tiêu từ nay đến giữa thế kỷ XXI:* toàn Đảng, toàn dân ta ra sức phấn đấu xây dựng nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

**2. Quan điểm về công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức**

* Một là, công nghiệp hóa gắn với hiện đại hóa và công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải gắn với phát triển kinh tế tri thức.
* Hai là, công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế
* Ba là, lấy phát huy nguồn lực con người là yếu tố cơ bản cho sự phát tiển nhanh và bền vững
* Bốn là, coi phát triển khoa học và công nghệ là nền tảng, là động lực công nghệ hóa, hiện đại hóa
* Năm là, phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững; tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học.

**3. Nhiệm vụ cơ bản nhằm đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam**

**a) Bảo đảm sự ổn định chính trị, kinh tế và xã hội.**

Đẩy mạnh CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức là một quá trình phát triển không phải một sớm một chiều, mà phải trải qua thời gian khá nhiều năm. Việc bảo đảm ổn định về chính trị, kinh tế, xã hội cho quá trình này là rất cần thiết và đây chính là điều kiện tiên quyết để phát triển.

Bảo đảm ổn định về chính trị, kinh tế, xã hội, xét về thực chất, đó là bảo đảm sự *ổn định về môi trường đầu tư*. Thực tế cho thấy, một nền kinh tế không thể phát triển được nếu môi trường đầu tư ở tình trạng bất ổn.

*- Ổn định về chính trị* được thể hiện ở tính nhất quán, tính đồng bộ và ổn định lâu dài của đường lối, phải có tầm nhìn dài hạn, phải xây dựng cơ sở khoa học cho việc hoạch định và triển khai đường lối, chính sách CNH, HĐH đạt hiệu quả cao với tốc độ nhanh, tức là phải có chiến lược đẩy mạnh CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức. Phải ổn định luật pháp, chính sách, nhất là luật pháp, chính sách kinh tế (luật kinh tế, chính sách phát triển công nghiệp, nông nghiệp và phát triển các ngành dịch vụ, chính sách tài chính, chính sách tiền tệ, phát triển ngoại thương, an toàn thực phẩm, môi trường, chính sách đất đai, tài chính công, ngân hàng, ngoại hối .v.v…).

*- Ổn định về kinh tế*, trước hết là sự ổn định thị trường, ổn định giá cả, phải kiểm soát được lạm phát, môi trường cạnh tranh phải lành mạnh.

*- Ổn định về xã hội* thể hiện ở trật tự an toàn xã hội phải được giữ vững.

Chỉ có sự ổn định về chính trị, kinh tế và xã hội, thì người dân trong nước mới yên tâm đầu tư sản xuất kinh doanh và mới thu hút được đầu tư nước ngoài cho phát triển. Đảng ta yêu cầu: “Phải đặc biệt coi trọng giữ vững ổn định chính trị - xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ để bảo đảm cho đất nước phát triển nhanh và bền vững”.

**b) Ưu tiên phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao**

Nguồn nhân lực có vai trò *quyết định tốc độ và chất lượng* của sự phát triển kinh tế - xã hội. Để đẩy mạnh CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức, cần phải có trình độ dân trí cao, người lao động có khả năng sáng tạo cao, ham muốn học hỏi một cách tự giác, có khả năng thích ứng và tính linh hoạt cao. Muốn vậy, phải chăm lo phát triển nguồn nhân lực, nâng cao dân trí, đào tạo nhân tài, phải ưu tiên phát triển giáo dục và đào tạo, thực sự coi đó là quốc sách hàng đầu.

- Phải tiến hành *cải cách toàn diện giáo dục và đào tạo*, coi đó là nhiệm vụ cấp bách. Phải chuyển trọng tâm của việc giáo dục từ trang bị tri thức sang bồi dưỡng, rèn luyện phương pháp tư duy, phương pháp giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, khả năng tự đào tạo, thích nghi sự phát triển. Theo hướng này, cần bổ sung và hoàn thiện chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo để phát triển kinh tế tri thức phục vụ thiết thực cho nhiệm vụ CNH, HĐH.

*- Xây dựng xã hội học tập* dưới nhiều hình thức và biện pháp như trung tâm học tập cộng đồng, trung tâm giáo dục thường xuyên, giáo dục từ xa, đào tạo mở v.v…, tạo cơ hội và khuyến khích mọi người dân tham gia học tập, nâng cao tính chủ động cho người học trên cơ sở gắn kết với những yêu cầu đẩy mạnh CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức.

*- Nâng cao chất lượng toàn diện cho người lao động*. Phải tạo ra được đội ngũ nhân lực có lòng tự trọng, tự tôn dân tộc,có tinh thần trách nhiệm và ý thức cộng đồng khi thực hiện các công việc được giao; phải có trình độ chuyên môn vững vàng, có phương pháp và kỹ năng thực hành bảo đảm năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc được giao; có sự năng động và sáng tạo trong công việc, có ý thức tự giác học hỏi, dám đương đầu với những thách thức; và có sức khỏe tốt.

- Bảo đảm đổi mới quản lý giáo dục và đào tạo, nhất là đổi mới quản lý chất lượng giáo dục và đào tạo phải được coi là khâu đột phá.

**c) Phát triển khoa học và công nghệ**

Khoa học công nghệ phải là *động lực, quyết định lợi thế cạnh tranh và tốc độ phát triển* của toàn bộ quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức. Thực chất của CNH, HĐH là phát triển khoa học và công nghệ. Đảng ta xác định khoa học và công nghệ cùng với giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là nền tảng và động lực của CNH, HĐH đất nước.

Để đẩy mạnh CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức, cần tập trung giải quyết các vấn đề sau:

- Xây dựng cơ sở khoa học cho việc hoạch định và triển khai đường lối, chủ trương CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức đạt hiệu quả cao với tốc độ nhanh.

- Đẩy mạnh việc nghiên cứu khoa học để đánh giá chính xác nguồn tài nguyên quốc gia, nắm bắt tri thức mới và các công nghệ cao cùng với những thành tựu mới nhất về khoa học của thế giới; hướng mạnh vào việc nâng cao năng suất lao động, đổi mới sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm, của doanh nghiệp và của nền kinh tế trên thị trường.

- Xây dựng tiềm lực nhằm phát triển một nền khoa học và công nghệ tiên tiến. Đẩy nhanh tiến trình xây dựng 2 trung tâm quốc gia về công nghệ cao ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, lấy đây là đầu tàu, là mô hình tiêu biểu cho phát triển công nghệ của cả nước và là nơi thu hút, nuôi dưỡng công nghệ và tri thức mới của nhân loại.

- Tạo môi trường thuận lợi để các tập đoàn xuyên quốc gia không chỉ đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất mà còn xây dựng cả cơ sở đào tạo tại chỗ nguồn nhân lực chất lượng cao, thành thạo kỹ năng nghề nghiệp. Khuyến khích du học sinh ra nước ngoài học tập và có chính sách đãi ngộ thích đáng để thu hút số du học sinh này về nước làm việc hay lập nghiệp.

- Phát triển nhanh thị trường khoa học và công nghệ để bảo đảm mọi tri thức, công nghệ đều được trao đổi, mua bán, chuyển giao thuận lợi trên thị trường, được nuôi dưỡng bằng tinh thần cạnh tranh bình đẳng.

- Sử dụng các công cụ tín dụng và thuế nhằm khuyến khích các doanh nghiệp bỏ qua các thế hệ công nghệ trung gian, đi thẳng vào các công nghệ tiên tiến, công nghệ chất lượng cao.

- Bổ sung và hoàn thiện chiến lược phát triển khoa học và công nghệ với những bước đi thích hợp. Trên nền tảng đó, tạo ra năng lực nghiên cứu nội sinh giúp các nhà khoa học và cơ sở sản xuất trong nước tiến tới vận dụng và làm chủ những công nghệ và tri thức mới của nhân loại.

**d)Tạo lập nguồn vốn đầu tư cho đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức**

Vốn là là các giá trị của cải do con người tạo ra và tích lũy lại. Nó có thể tồn tại dưới dạng vật thể hoặc vốn tài chính. Vốn là điều kiện quan trọng nhất để bảo đảm việc đẩy mạnh CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức trở thành hiện thực.

Vốn được tạo lập từ hai nguồn là tích lũy trong nội bộ nền kinh tế (trong nước) và thu hút từ bên ngoài (nước ngoài và các tổ chức kinh tế quốc tế). Về cơ bản, lâu dài, vốn trong nước là chủ yếu và quyết định, vốn từ bên ngoài là rất quan trong nhất là trong thời kỳ đầu CNH, HĐH.

Việc tích luỹ vốn từ nội bộ nền kinh tế được thực hiện trên cơ sở nâng cao hiệu quả sản xuất, nguồn của nó là lao động thặng dư của người lao động thuộc mọi thành phần kinh tế. Tăng năng suất lao động xã hội là con đường cơ bản để giải quyết vấn đề tích luỹ vốn trong nước. Đồng thời, giải quyết tốt mối quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng trong nhân dân trên quan điểm tiết kiệm là quốc sách. Sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước và trái phiếu chính phủ. Chống lãng phí, thất thoát vốn.

Để thu hút các nguồn vốn từ bên ngoài, phải tiếp tục hoàn thiện cơ chế mở cửa nền kinh tế, phải sử dụng nhiều hình thức như thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, vay vốn, hợp tác liên doanh, thành lập các đặc khu kinh tế, các khu kinh tế mở… đi đôi với kiện toàn hệ thống pháp luật về kinh tế đối ngoại, thực hiện hợp lý các chính sách ưu đãi, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi để người và tổ chức nước ngoài vào ta hợp tác đầu tư.

Tạo cơ chế, chính sách để phát triển thị trường vốn trong nước và hội nhập với thị trường vốn quốc tế trong xu thế toàn cầu hóa kinh tế.

**e) Mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế**

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ cùng với xu hướng toàn cầu hoá kinh tế đã và đang tạo ra mối liên hệ phụ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế của các nước. Mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế là một một đòi hỏi thiết yếu. Điều này sẽ tạo ra khả năng và điều kiện để nước ta có thể tranh thủ vốn, kỹ thuật, công nghệ từ bên ngoài để đẩy mạnh CNH, HĐH gắn với phát trển kinh tế tri thức.

Tuy nhiên, để việc trên trở thành hiện thực, cần phải tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách, nhất là cơ chế, chính sách hợp tác về khoa học và công nghệ, hợp tác đầu tư, hợp tác giáo dục và đào tạo để phát triển nhân lực và phải bảo đảm các hình thức hợp tác vừa có hiệu quả kinh tế cao, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, vừa giữ vững độc lập và chủ quyền quốc gia dân tộc.

**g) Bảo đảm gắn kết chặt chẽ giữa tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước với phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân**

CNH, HĐH là sự nghiệp của toàn đảng, toàn dân. Vì thế, sự đồng thuận xã hội là một tiền đề điều kiện có ý nghĩa quyết định. Để tạo lập tiền đề này, cần phải phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời phải tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng và nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước.

Các chính sách của Nhà nước phải bảo đảm định hướng có hiệu quả toàn bộ sự nghiệp CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức, kích thích được động lực của người dân và các doanh nghiệp. Phải đặt toàn bộ sự nghiệp CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tri thức của đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng. Để hoàn thành tốt vai trò này, Đảng phải đi tiên phong trong công cuộc đổi mới, Nhà nước phải nâng cao năng lực hoạch định và thực thi chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý đối với toàn bộ tiến trình CNH, HĐH đất nước.

Hoàn thiện cơ chế phân cấp để vừa phát huy tính chủ động, sáng tạo của cấp dưới, vừa bảo đảm sự quản lý thống nhất của cấp trên, đồng thời tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý Nhà nước.

**Câu 9: Đánh giá thực trạng đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam thời gian qua và đề xuất giải pháp thúc đẩy phát triển thời gian tới. (Bài 3)**

**1. Những thành tựu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức thời gian qua**

Công nghiệp hoá, hiện đại hoá tiếp tục được đẩy mạnh, đạt một số thành quả:

* Công nghệ sản xuất công nghiệp đã có bước thay đổi về trình độ theo hướng hiện đại. Tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong giá trị sản xuất công nghiệp tăng, tỉ trọng công nghiệp khai thác giảm dần.
* Khu vực thương mại, dịch vụ tăng trưởng khá; cơ cấu xuất khẩu chuyển dịch phù hợp với tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá.
* Công nghiệp hoá nông nghiệp, nông thôn có chuyển biến, mức độ cơ giới hoá trong nông nghiệp tăng; nông nghiệp phát triển toàn diện hơn theo hướng khai thác những lợi thế của nền nông nghiệp nhiệt đới; xây dựng nông thôn mới có nhiều tiến bộ.
* Cơ cấu kinh tế vùng được quan tâm, có sự chuyển dịch theo hướng phát huy tiềm năng, lợi thế của từng vùng và thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, địa phương.
* Cơ cấu lao động có sự chuyển dịch tích cực; chất lượng nguồn nhân lực bước đầu cải thiện. Đội ngũ doanh nhân tuy còn gặp nhiều khó khăn nhưng đã có những đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội.
* Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội có bước phát triển; quá trình đô thị hoá diễn ra khá nhanh.
* Hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng trên nhiều cấp độ, góp phần thúc đẩy quá trình tham gia vào mạng sản xuất, chuỗi giá trị toàn cầu, nâng cao giá trị gia tăng của nền kinh tế.
* Mô hình tăng trưởng từ chủ yếu theo chiều rộng đã bước đầu có sự chuyển biến sang kết hợp giữa chiều rộng và chiều sâu; đã hình thành những mô hình mới và cách làm mới, sáng tạo. Với việc cơ cấu lại nền kinh tế và thực hiện ba đột phá chiến lược, nhất là trên một số lĩnh vực trọng tâm, năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế có bước cải thiện; bảo đảm hài hoà hơn giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường.
* Hiệu quả đầu tư xã hội, đầu tư công từng bước được cải thiện, tình trạng đầu tư dàn trải bước đầu được hạn chế. Hệ thống các tổ chức tài chính - tín dụng được cơ cấu lại một bước, không để xảy ra tình trạng đổ vỡ, mất an toàn hệ thống. Doanh nghiệp nhà nước đang được sắp xếp, đổi mới theo hướng tập trung vào ngành chính, đẩy mạnh cổ phần hoá, triển khai thực hiện mô hình quản trị doanh nghiệp hiện đại, nâng cao tính công khai, minh bạch và hiệu quả hoạt động.

**2. Những hạn chế của công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức thời gian qua**

* Thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá còn chậm, chưa gắn với phát triển kinh tế tri thức.
* Quy hoạch phát triển các ngành công nghiệp nền tảng và công nghiệp hỗ trợ chưa có định hướng chiến lược rõ ràng, hiệu quả thấp.
* Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn nhiều hạn chế, yếu kém, lạc hậu và thiếu tính kết nối.
* Phát triển đô thị thiếu đồng bộ, chất lượng thấp.
* Công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn còn chậm, chưa đạt yêu cầu. Các ngành dịch vụ chất lượng cao chậm phát triển.
* Kinh tế biển phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của đất nước.
* Sự phát triển giữa các địa phương trong vùng và giữa các vùng còn thiếu liên kết và phối hợp; không gian kinh tế còn bị chia cắt bởi địa giới hành chính.
* Chất lượng nguồn nhân lực thấp, chuyển dịch cơ cấu lao động chưa tương ứng với chuyển dịch cơ cấu sản xuất.

**3. Giải pháp thúc đẩy phát triển trong thời gian tới**

**a) Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá để sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại**

* *Phát triển công nghiệp*
* Xây dựng nền công nghiệp và thương hiệu công nghiệp quốc gia với tầm nhìn trung, dài hạn, có lộ trình cho từng giai đoạn phát triển.
* Tiếp tục thực hiện tốt chủ trương và có chính sách phù hợp để xây dựng, phát triển các ngành công nghiệp theo hướng hiện đại, tăng hàm lượng khoa học - công nghệ và tỉ trọng giá trị nội địa trong sản phẩm, tập trung vào những ngành có tính nền tảng, có lợi thế so sánh và có ý nghĩa chiến lược đối với sự phát triển nhanh, bền vững, nâng cao tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế; có khả năng tham gia sâu, có hiệu quả vào mạng sản xuất và phân phối toàn cầu.
* Phát triển có chọn lọc một số ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sạch, công nghiệp năng lượng, cơ khí, điện tử, hoá chất, công nghiệp xây dựng, xây lắp, công nghiệp quốc phòng, an ninh. Chú trọng phát triển các ngành có lợi thế cạnh tranh; công nghiệp hỗ trợ; công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn; năng lượng sạch, năng lượng tái tạo và sản xuất vật liệu mới; từng bước phát triển công nghệ sinh học, công nghiệp môi trường và công nghiệp văn hoá. Tiếp tục phát triển hợp lý một số ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động.
* Phân bố công nghiệp hợp lý hơn trên toàn lãnh thổ; nâng cao hiệu quả các khu kinh tế, khu công nghiệp; sớm đưa một số khu công nghiệp công nghệ cao vào hoạt động.
* *Phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới*
* Xây dựng nền nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá lớn, ứng dụng công nghệ cao, nâng cao chất lượng sản phẩm, giá trị gia tăng, đẩy mạnh xuất khẩu.
* Đẩy nhanh cơ cấu lại ngành nông nghiệp, xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện cả về nông, lâm nghiệp và thuỷ sản theo hướng hiện đại, bền vững, trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh và tổ chức lại sản xuất, thúc đẩy ứng dụng sâu rộng khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ sinh học, công nghệ thông tin vào sản xuất, quản lý nông nghiệp và đẩy nhanh công nghiệp hoá nông nghiệp, hiện đại hoá nông thôn để tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia cả trước mắt và lâu dài; nâng cao thu nhập và đời sống của nông dân. Khai thác lợi thế của nền nông nghiệp nhiệt đới, nâng cao giá trị gia tăng. Chú trọng đầu tư vùng trọng điểm sản xuất nông nghiệp. Có chính sách phù hợp để tích tụ, tập trung ruộng đất, thu hút mạnh các nguồn lực đầu tư phát triển nông nghiệp; từng bước hình thành các tổ hợp nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ công nghệ cao. Chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới và quá trình đô thị hoá một cách hợp lý, nâng cao chất lượng dịch vụ và kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, thu hẹp khoảng cách về phát triển giữa đô thị và nông thôn, tăng cường kết nối nông thôn - đô thị, phối hợp các chương trình phát triển nông nghiệp, nông thôn với phát triển công nghiệp, dịch vụ và đô thị. Xác định vai trò hạt nhân của doanh nghiệp trong nông nghiệp, đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nông, lâm nghiệp nhà nước; phát triển hợp tác xã kiểu mới; hình thành các vùng nguyên liệu gắn với chế biến và tiêu thụ.
* *Phát triển khu vực dịch vụ:*
* Đẩy mạnh phát triển khu vực dịch vụ theo hướng hiện đại, đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn các khu vực sản xuất và cao hơn tốc độ tăng GDP. Tập trung phát triển một số ngành dịch vụ có lợi thế, có hàm lượng tri thức và công nghệ cao như : du lịch, hàng hải, dịch vụ kỹ thuật dầu khí, hàng không, viễn thông, công nghệ thông tin. Hiện đại hoá và mở rộng các dịch vụ có giá trị gia tăng cao như tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, logistics và các dịch vụ hỗ trợ sản xuất kinh doanh khác. Đổi mới và hoàn thiện cơ chế, chính sách giá dịch vụ giáo dục - đào tạo, y tế; phát triển dịch vụ giáo dục - đào tạo, y tế chất lượng cao, dịch vụ khoa học và công nghệ, văn hoá, thông tin, thể thao, dịch vụ việc làm. Hình thành một số trung tâm dịch vụ, du lịch tầm cỡ khu vực và quốc tế. Chủ động phát triển mạnh hệ thống phân phối bán buôn, bán lẻ trong nước, tham gia vào mạng phân phối toàn cầu.
* *Phát triển kinh tế biển*
* Phát triển mạnh kinh tế biển nhằm tăng cường tiềm lực kinh tế quốc gia và bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Chú trọng phát triển các ngành công nghiệp dầu khí, đánh bắt xa bờ và hậu cần nghề cá, kinh tế hàng hải (kinh doanh dịch vụ cảng biển, đóng và sửa chữa tàu, vận tải biển), du lịch biển, đảo. Có cơ chế tạo bước đột phá về tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế biển, thu hút mạnh hơn mọi nguồn lực đầu tư để phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, khai thác tài nguyên biển, đảo một cách bền vững. Tập trung đầu tư, nâng cao hiệu quả hoạt động các khu kinh tế ven biển.
* *Phát triển kinh tế vùng, liên vùng*
* Thống nhất quản lý tổng hợp chiến lược, quy hoạch phát triển trên quy mô toàn bộ nền kinh tế, vùng và liên vùng. Phát huy tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, đồng thời ưu tiên phát triển các vùng kinh tế động lực, tạo sức lôi cuốn, lan toả phát triển đến các địa phương trong vùng và đến các vùng khác. Có chính sách hỗ trợ phát triển các vùng còn nhiều khó khăn, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi và hải đảo; phát triển kinh tế rừng. Đổi mới cơ chế phân cấp, phân quyền, gắn với phân định và nâng cao trách nhiệm của trung ương và địa phương. Thực hiện quy hoạch vùng, chính sách vùng; sớm xây dựng và thể chế hoá cơ chế điều phối liên kết vùng theo hướng xác định rõ vai trò đầu tàu và phân công cụ thể trách nhiệm cho từng địa phương trong vùng. Khắc phục tình trạng nền kinh tế bị chia cắt bởi địa giới hành chính, hoặc đầu tư dàn trải, trùng lặp. Xây dựng một số đặc khu kinh tế để tạo cực tăng trưởng và thử nghiệm thể chế phát triển vùng có tính đột phá.
* *Phát triển đô thị*
* Đổi mới cơ chế, chính sách, kiểm soát chặt chẽ quá trình phát triển đô thị theo quy hoạch và kế hoạch. Từng bước hình thành hệ thống đô thị có kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thân thiện với môi trường, gồm một số đô thị lớn, nhiều đô thị vừa và nhỏ liên kết và phân bố hợp lý trên các vùng; chú trọng phát triển đô thị miền núi, phát triển mạnh các đô thị ven biển. Nâng cao chất lượng, tính đồng bộ và năng lực cạnh tranh của các đô thị; chú trọng phát huy vai trò, giá trị đặc trưng của các đô thị động lực phát triển kinh tế cấp quốc gia và cấp vùng, đô thị di sản, đô thị sinh thái, đô thị du lịch, đô thị khoa học.
* *Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội*
* Đẩy mạnh huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực xã hội để tiếp tục tập trung đầu tư hình thành hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tương đối đồng bộ với một số công trình hiện đại. Ưu tiên và đa dạng hoá hình thức đầu tư cho các lĩnh vực trọng tâm là : hạ tầng giao thông đồng bộ, có trọng điểm, kết nối giữa các trung tâm kinh tế lớn và giữa các trục giao thông đầu mối; hạ tầng ngành điện bảo đảm cung cấp đủ điện cho sản xuất và sinh hoạt, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; hạ tầng thuỷ lợi đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp và ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; hạ tầng đô thị lớn hiện đại, đồng bộ, từng bước đáp ứng chuẩn mực đô thị xanh của một nước công nghiệp.

**b) Kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.**

Trong vấn đề này cần coi trọng cả số lượng và chất lượng tăng trưởng. Phấn đấu tăng trưởng kinh tế với nhịp độ nhanh, chất lượng cao và bền vững hơn, gắn với phát triển con người; từng bước thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao chất lượng sống và bảo đảm ngày càng tốt hơn nhu cầu về văn hóa, giáo dục cho con người. Xây dựng cơ cấu kinh tế hiện đại, hợp lý theo ngành, lĩnh vực và vùng lãnh thổ. Phát triển mạnh các ngành, các sản phẩm kinh tế có giá trị gia tăng cao dựa nhiều vào tri thức. Vấn đề quan trọng hàng đầu là, chúng ta phải chủ động phát huy năng lực sáng tạo ở trong nước, đồng thời phải biết tranh thủ cơ hội tiếp thu tri thức của thế giới.

***c) Cải cách triệt để nền giáo dục, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho phát triển kinh tế tri thức.***

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 khẳng định: Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là một đột phá chiến lược, là yếu tố quyết định quá trình cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng và là lợi thế cạnh tranh dài hạn, bảo đảm phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững... Phát triển nguồn nhân lực cần phải quan tâm cả phát triển con người và hiện đại hóa hoạt động giáo dục, đào tạo.

Ở đây, phát triển con người là nền tảng, hiện đại hóa giáo dục, đào tạo là trung tâm. Trong những năm tới, Nhà nước phải đầu tư hơn nữa để phát triển giáo dục. Thực hiện các chương trình, đề án đào tạo nhân lực chất lượng cao đối với các ngành, lĩnh vực chủ yếu, mũi nhọn. Trong đó cần: Từng bước ứng dụng những công nghệ mới, hiện đại vào giảng dạy, không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo. Chú trọng đào tạo theo hướng tăng cường  ứng dụng, thực hành. Huy động mọi nguồn lực cho phát triển giáo dục - đào tạo. Tiến hành cải tiến công tác quản lý giáo dục - đào tạo. Cải cách giáo dục phổ thông. Tăng cường giáo dục trung học chuyên nghiệp và dạy nghề. Gắn kết quá trình đào tạo ở nhà trường với đào tạo tại các doanh nghiệp. Đổi mới giáo dục đại học và cao đẳng theo hướng nâng cao chất lượng đào tạo và gắn kết giữa giảng dạy, nghiên cứu và sản xuất, đáp ứng nhu cầu xã hội. Tăng nhanh đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật có trình độ đại học, trên đại học và đội ngũ công nhân lành nghề, đội ngũ cán bộ quản lý, các doanh nhân. Mở rộng quan hệ hợp tác giáo dục đào tạo và khoa học công nghệ với nước ngoài. Tuyển chọn đưa đi đào tạo ở các nước tiên tiến số lượng lớn cán bộ khoa học - kỹ thuật thuộc các lĩnh vực ưu tiên chiến lược.

**d) Phát triển mạnh về khoa học công nghệ, tăng cường năng lực khoa học công nghệ quốc gia.**

Cương lĩnh của Đảng nêu rõ: Phát triển mạnh khoa học, công nghệ làm động lực đẩy nhanh quá trình CNH, HĐH, phát triển kinh tế tri thức; góp phần tăng nhanh năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế, sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước. Trong đó cần tập trung: Phát triển và ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin, chuyển hướng phát triển các lĩnh vực trọng yếu sang chủ yếu dựa vào tri thức. Phát triển nhanh có chọn lọc các ngành kinh tế dựa vào tri thức và công nghệ cao. Tập trung ưu tiên đầu tư phát triển mạnh một số khu công nghệ cao đã và đang hình thành ở nước ta như: Công viên phần mềm Sài Gòn, Quang Trung, Khu công nghệ cao Láng - Hoà Lạc, trung tâm phần mềm Hải Phòng, công viên phần mềm Đà Nẵng, Trung tâm phần mềm Huế… coi đây là những hình mẫu, đầu tàu của khoa học công nghệ - công nghiệp quốc gia.

Cần đầu tư cao vào những ngành mũi nhọn của quốc gia như: công nghệ thông tin, nhất là công nghệ phần mềm; công nghệ số hoá, công nghệ năng lượng mới, vật liệu mới, công nghệ sinh học... Thu hút các tập đoàn xuyên quốc gia, có tiềm lực khoa học-công nghệ và tài chính mạnh đầu tư vào Việt Nam, khuyến khích xây dựng các trung tâm nghiên cứu-phát triển, tạo sự lan toả ra toàn bộ nền kinh tế.

e) ***Phát triển kinh tế - xã hội phải luôn coi trọng bảo vệ và cải thiện môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.***

Trong điều kiện khan hiếm các nguồn tài nguyên hiện nay, CNH, HĐH tác động không thuận đến môi trường tự nhiên. Do đó văn kiện Đại hội XI xác định: “Đưa nội dung bảo vệ môi trường vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, vùng và các chương trình, dự án đầu tư… Chú trọng phát triển kinh tế xanh, thân thiện với môi trường; từng bước phát triển năng lượng sạch, sản xuất sạch, tiêu dùng sạch”(2). Để cụ thể hóa quan điểm đó cần: Tăng cường quản lý tài nguyên đất, nước, khoáng sản, rừng, bầu trời. Ngăn chặn các hành vi huỷ hoại môi trường, khắc phục sự xuống cấp, tích cực phục hồi môi trường, xử lý phế thải. Từng bước sử dụng công nghệ sạch, năng lượng sạch. Phủ xanh đất trống, đồi trọc. Hiện đại hóa công tác nghiên cứu, dự báo, chủ động phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ. Tăng cường quản lý nhà nước bằng pháp luật, bảo vệ và cải thiện môi trường tự nhiên.

Như vậy, hướng tới các mục tiêu của phát triển kinh tế bền vững trong quá trình CNH, HĐH gắn với kinh tế tri thức đã được Đại hội Đảng XI quan tâm một cách đặc biệt. Đây đã trở thành một phần quan trọng của Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH và Chiến lược phát triển của các ngành, lĩnh vực, bộ phận của nền kinh tế ở nước ta. Đây chính là kết quả của quá trình đổi mới tư duy của Đảng ta trong Đại hội XI. Ngày nay, trước yêu cầu cao hơn của sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước, hội nhập sâu hơn, toàn diện hơn vào đời sống kinh tế quốc tế, cuộc cạnh tranh trên phạm vi toàn cầu sẽ rất gay gắt, chúng ta cần tập trung nhiều hơn để thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm bảo đảm cho thành công của sự nghiệp CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức, phát triển nhanh và bền vững của nước ta.